

## BÀI 20: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

### A. Kiến thức mới

#### \* Ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tạo tiền đề để nền kinh tế tăng trưởng bền vững
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước

#### 1. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

##### a. Sự chuyển dịch cơ cấu giữa các khu vực kinh tế

- Tỉ trọng ngành nông - lâm - thủy sản có xu hướng giảm nhanh. Tỉ trọng của công nghiệp - xây dựng tăng nhanh. Tỉ trọng của khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhưng chưa ổn định

Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch tích cực phù hợp với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH trong điều kiện nước ta hiện nay

##### b. Sự chuyển dịch trong nội bộ từng ngành

- Trong khu vực I:

- + Giảm tỷ trọng ngành NN, tăng tỷ trọng ngành thủy sản.
- + Trong nội bộ ngành NN, có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng trong trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi

- Khu vực II:

- + Có xu hướng thay đổi cơ cấu ngành sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với yêu cầu thị trường và tăng hiệu quả đầu tư
- + Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác, tăng tỉ trọng CN chế biến .
- + Thay đổi cơ cấu sản phẩm công nghiệp trong từng ngành : tăng tỉ trọng các sản phẩm cao cấp, có chất lượng và có sức cạnh tranh, đáp ứng với yêu cầu của thị trường., giảm các loại sản phẩm chất lượng thấp không phù hợp với yêu cầu trong nước và xuất khẩu.
- Đối với khu vực III: tăng nhanh các lĩnh vực liên quan đến kết cấu hạ tầng kinh tế và phát triển đô thị . Nhiều loại dịch vụ mới ra đời, đáp ứng nhu cầu của xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước.

##### c. Nguyên nhân:

- + Do kết quả của công cuộc đổi mới KT-XH nước ta
- + Do nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước
- + Theo xu thế chung , hội nhập với nền kinh tế TG

#### 2. chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

- Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước có xu hướng giảm , nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế . Các ngành kinh tế then chốt vẫn do nhà nước quản lí
- Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhưng cũng đang có xu hướng giảm, trong đó lớn nhất là khu vực cá thể, khu vực tư nhân lại có xu hướng tăng.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm tỉ trọng thấp nhất và đang có xu hướng tăng nhanh, cho thấy vai trò quan trọng của khu vực này trong tình hình mới.

- Cơ cấu TPKT có chuyển biến tích cực phù hợp với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần trong thời kì đổi mới của nước ta hiện nay.

- Các TP KT đang được phát huy sức mạnh, đẩy nhanh tốc độ phát triển Kt và tăng hội nhập vào nền KTTG

### 3. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế

- Trên phạm vi cả nước, hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế: ĐNB, ĐBSH, ĐBSCL.

+ Trong CN: hình thành các khu CN, khu chế xuất, khu công nghệ cao...

+ Trong NN: hình thành các vùng trọng điểm lương thực, vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn ...

- Hình thành ba vùng kt trọng điểm: phía Bắc, miền Trung, phía Nam

- Tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa giữa các vùng nhờ phát huy thế mạnh từng vùng và tăng cường hội nhập kinh tế.

## B. Luyện tập.

### 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1.** Từ năm 1991 đến nay, sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta có đặc điểm:

A. Khu vực I giảm dần tỉ trọng nhưng vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

B. Khu vực III luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP dù tăng không ổn định.

C. Khu vực II dù tỉ trọng không cao nhưng là ngành tăng nhanh nhất.

D. Khu vực I giảm dần tỉ trọng và đã trở thành ngành có tỉ trọng thấp nhất.

**Câu 2.** Trong giai đoạn từ 1990 đến nay, cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng:

A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.

B. Giảm tỉ trọng khu vực I và II, tăng tỉ trọng khu vực III.

C. Giảm tỉ trọng khu vực I, khu vực II không đổi, tăng tỉ trọng khu vực III.

D. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng nhanh tỉ trọng khu vực II, khu vực III không đổi.

**Câu 3.** Cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng:

A. Tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

B. Giảm tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

C. Giảm dần tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh tỉ trọng.

**Câu 4.** Đây là sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ của khu vực I:

A. Các ngành trồng cây lương thực, chăn nuôi tăng dần tỉ trọng.

B. Các ngành thủy sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp tăng tỉ trọng.

C. Ngành trồng cây công nghiệp, cây lương thực nhường chỗ cho chăn nuôi và thủy sản.

D. Tăng cường độc canh cây lúa, đa dạng hoá cây trồng đặc biệt là cây công nghiệp.

**Câu 5.** Đây là một tỉnh quan trọng của Đồng bằng sông Hồng nhưng không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:

A. Hà Tây. B. Nam Định. C. Hải Dương. D. Vĩnh Phúc.

**Câu 6.** Thành tựu kinh tế lớn nhất trong thời gian qua của nước ta là:

A. Phát triển nông nghiệp. B. Phát triển công nghiệp.  
C. Tăng nhanh ngành dịch vụ. D. Xây dựng cơ sở hạ tầng.

**Câu 7.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là:

A. Trồng cây lương thực. B. Trồng cây công nghiệp.  
C. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. D. Các dịch vụ nông nghiệp.

**Câu 8.** Dựa vào bảng số liệu sau đây về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta thời kì 1990 - 2005. (Đơn vị : %)

Ngành	1990	1995	2000	2002
Trồng trọt	79,3	78,1	78,2	76,7
Chăn nuôi	17,9	18,9	19,3	21,1
Dịch vụ nông nghiệp	2,8	3,0	2,5	2,2

Loại biểu đồ phù hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản lượng ngành nông nghiệp là:

A. Hình cột ghép. B. Hình tròn. C. Miền. D. Cột chồng.

**Câu 9.** Dựa vào bảng số liệu sau đây về cơ cấu GDP của nước ta phân theo thành phần kinh tế (theo giá thực tế).

(Đơn vị: %)

Thành phần	1995	2000	2005
Kinh tế Nhà nước	40,2	38,5	37,4
Kinh tế tập thể	10,1	8,6	7,2
Kinh tế cá thể	36,0	32,3	32,9
Kinh tế tư nhân	7,4	7,3	8,2
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	6,3	13,3	14,3

Nhận định đúng nhất là:

A. Kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo và vị trí ngày càng tăng.  
B. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng quan trọng.  
C. Kinh tế cá thể có vai trò quan trọng và vị trí ngày càng tăng.  
D. Kinh tế ngoài quốc doanh (tập thể, tư nhân, cá thể) có vai trò ngày càng quan trọng.

**Câu 10.** Từ 1990 đến nay, giai đoạn nước ta có tốc độ tăng trưởng cao nhất là:

A. 1990 - 1992. B. 1994 - 1995. C. 1997 - 1998. D. Hiện nay.

**2. Bài tập 2.** Trang 86

## BÀI 21: ĐẶC ĐIỂM NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

### A. Kiến thức mới

#### 1. Nền nông nghiệp nhiệt đới.

##### **a. Điều kiện tự nhiên và TNTN cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.**

###### \* Thuận lợi:

- Sản phẩm nông nghiệp đa dạng ( sản phẩm nhiệt đới là chính, có cả sản phẩm cận nhiệt và ôn đới).
- Khả năng xen canh, tăng vụ lớn.
- Giữa các vùng có thể mạnh khác nhau.

###### \* Khó khăn:

- Tính mùa vụ khắt khe trong NN.
- Thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh.. và tính bấp bênh của NN.

##### **b. Nước ta đang khai thác ngày càng hiệu quả nền NN nhiệt đới.**

- Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp hơn với các vùng sinh thái NN.
- Cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng.
- Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn.
- Đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu.

#### 2. Phát triển nền NN hiện đại sản xuất hàng hóa góp phần nâng cao hiệu quả của nông nghiệp nhiệt đới.

Đặc điểm nền NN hiện nay:

- Có sự tồn tại song song nền NN tự cấp, tự túc, sản xuất theo lối cổ truyền và nền NN hàng hóa, áp dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại.
- Chuyển từ nền NN tự cấp tự túc sang nền NN hàng hóa.

##### **a. Nền nông nghiệp cổ truyền:**

- Sản xuất nhỏ, công cụ thủ công.
- Năng suất lao động thấp.
- Sản xuất tự cấp tự túc, đa canh là chính.
- Người sx quan tâm nhiều đến sản lượng.
- Phân bố: còn rất phổ biến trên nhiều vùng lãnh thổ

##### **b. Nền nông nghiệp hàng hóa.**

- Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc.
- Năng suất lao động cao.
- Sản xuất hàng hóa, chuyên môn hóa, Liên kết nông – công nghiệp.
- Người sản xuất quan tâm nhiều đến lợi nhuận.
- Phân bố: phát triển ở những vùng có điều kiện thuận lợi...

## B. Luyện tập.

### 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Đây không phải là tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến nông nghiệp của nước ta

- A. Tạo điều kiện cho nông nghiệp hoạt động quanh năm.
- B. Làm cho nông nghiệp nước ta song hành tồn tại hai nền nông nghiệp
- C. Cho phép áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng
- D. làm tăng tính chất bất bình vốn có của nền nông nghiệp.

Câu 2. Mô hình kinh tế đang phát triển mạnh đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất hàng hóa là:

- A. các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản.
- B. các hợp tác xã nông, lâm, thủy sản.
- C. kinh tế hộ gia đình
- D. kinh tế trang trại.

Câu 3. Hạn chế lớn nhất của nền nông nghiệp nước ta hiện nay là:

- A. tính mùa vụ khắt khe trong nông nghiệp
- B. thiên tai làm cho nông nghiệp vốn đã bất bình càng thêm bất bình
- C. mỗi vùng có thể mạnh riêng làm cho nông nghiệp mang tính chất sản xuất nhỏ.
- D. mùa vụ có sự phân hóa đa dạng theo sự phân hóa của khí hậu.

Câu 4. Vùng cực Nam Trung Bộ chuyên về trồng nho, thanh long, chăn nuôi cừu đã thể hiện:

- A. sự chuyển đổi mùa vụ từ Bắc vào Nam, từ đồng bằng lên miền núi.
- B. việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng
- C. việc khai thác tốt hơn tính mùa vụ của nền nông nghiệp nhiệt đới.
- D. các tập đoàn cây và con được phân bố phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.

Câu 5. Đặc điểm nổi bật nhất của nền nông nghiệp nước ta là:

- A. phát triển hiện đại sản xuất hàng hóa
- B. nền nông nghiệp ôn đới
- C. cơ cấu cây trồng đang có nhiều chuyển dịch
- D, nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 6. Đây không phải là đặc điểm của nền nông nghiệp cổ truyền:

- A. sản xuất nhỏ, công cụ thô sơ
- B. năng suất lao động thấp
- C. người nông dân quan tâm nhiều đến thị trường.
- D. sản xuất mang tính chất đa canh, tự cấp tự túc.

Câu 7. Đặc điểm cơ bản của nền nông nghiệp hiện đại đang phát triển ở nước ta hiện nay là:

- A. là nền sản xuất nhỏ manh mún
- B. ngày càng sử dụng nhiều máy móc vật tư nông nghiệp
- C. người nông dân ít quan tâm đến yếu tố thị trường
- D. sản xuất mang tính chất đa canh.

**Câu 8.** Sự phân hóa của khí hậu đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nông nghiệp của nước ta. Điều đó được thể hiện:

- A. Việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.
- B. Cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp khác nhau giữa các vùng.
- C. tính chất bấp bênh của nền nông nghiệp nhiệt đới.
- D. sự đa dạng của sản phẩm nông nghiệp nước ta

**Câu 9.** Nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa thường phân bố ở đâu:

- A. Phân bố ở những khu vực đồi núi.
- B. Phân bố ở những vùng dân cư thưa thớt
- C. Phân bố ở vùng đồng bằng ven biển
- D. Phân bố ở các vùng gần trục giao thông và các thành phố lớn.

**Câu 10.** Nền nông nghiệp hàng hóa khác với nền nông nghiệp cổ truyền ở chỗ

- A. Sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn
- B. Sản xuất mang tính đa canh, trình độ chuyên môn hóa thấp
- C. Năng suất lao động cao, người nông dân quan tâm nhiều đến thị trường.
- D. Hình thức sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình.

## **2. Vận dụng và mở rộng**

Câu 1. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, khi sử dụng tài nguyên đất theo em cần chú ý điều gì? Để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất địa phương em đã có những giải pháp nào?

Câu 2. So sánh để thấy điểm khác nhau cơ bản của hai nền nông nghiệp: Nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa? Tại sao nước ta phải đồng thời phát triển song song hai nền nông nghiệp?

- HS về nhà đọc các bản đồ nông nghiệp và các bản đồ liên quan trong At Lat Địa Lí VN để hiểu kỹ hơn về nông nghiệp.

- Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong SGK.

- Suy nghĩ và trả lời câu hỏi (viết ra giấy giờ sau nộp): Nếu chọn nông nghiệp là ngành khởi nghiệp trong tương lai, thì bản thân em cần có những định hướng phát triển gì.

## **Bài 22: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP.**

### **A. Kiến thức mới**

#### **1. Ngành trồng trọt**

##### **a. Đặc điểm chung**

- Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong ngành nông nghiệp: 73.5%
- Giá trị sản xuất ngày càng lớn
- Cơ cấu ngành đa dạng và đang có sự chuyển dịch
- + Giảm tỉ trọng của cây lương thực, cây ăn quả, các cây khác
- + Tăng tỉ trọng của cây công nghiệp, rau đậu
- + Cây lương thực vẫn chiếm vai trò chủ đạo

## 2. Tình hình sản xuất

<b>Nội dung</b>	<b>Sản xuất lương thực</b>
Vai trò	Đảm bảo lương thực cho nhân dân, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi, làm nguồn hàng xuất khẩu, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.
Điều kiện thuận lợi	- Điều kiện tự nhiên: khí hậu, đất, nước, địa hình..... - Điều kiện kinh tế - xã hội: dân cư có kinh nghiệm sản xuất, thị trường tiêu thụ rộng lớn, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật....
Điều kiện khó khăn	Thiên tai, sâu bệnh.....
Diện tích	- Tăng do mở rộng diện tích, tăng vụ. (Năm 2005 giảm nhẹ do chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa năng suất thấp sang trồng cây khác hoặc nuôi thủy sản.
Năng suất, sản lượng	- Năng suất tăng, đạt : 49 tạ/ha - Sản lượng tăng, đạt : 36 triệu tấn - Bình quân lương thực đầu người đạt 470 kg/ người - Xuất khẩu gạo: 3-4 triệu tấn
Phân bố	- Vựa lúa số 1: ĐBSCL. Số 2 là ĐBSH - Một số cánh đồng nổi tiến: Mường Thnah, Tuy Hoà....

<b>Nội dung</b>	<b>Sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả</b>
Vai trò	- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến - Giải quyết việc làm cho người lao động
Điều kiện thuận lợi	- Khí hậu nhiệt đới, có nhiều loại đất thích hợp, phân bố tập trung - Lao động dồi dào, có ạng lưới cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ rộng - Được đầu tư
Điều kiện khó khăn	- Thị trường bấp bênh, nhiều biến động , chưa đáp ứng được thị trường khó tính
Tình hình sản xuất	- Cây công nghiệp tăng về diện tích và sản lượng, năng suất. - Đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn. - Có nhiều loại cây ăn quả
Phân bố	- Cây công nghiệp lâu năm: cà phê ( Tây nguyên), Cao su (Đông Nam Bộ), hồ tiêu (Tây Nguyên).... - Cây công nghiệp ngắn ngày:mía đường (ĐBSCL) lạc (Thanh-Nghệ- Tĩnh), đậu tương.....

### 3. Ngành chăn nuôi

- Tỉ trọng của ngành chăn nuôi còn nhỏ (So với ngành trồng trọt), nhưng đang có xu hướng tăng:
- Xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi hiện nay:
  - + Ngành chăn nuôi tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
  - + Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp
  - + Các sản phẩm không qua giết thịt (trứng, sữa) chiếm tỉ trọng ngày càng cao.
- Điều kiện phát triển ngành chăn nuôi nước ta:
  - + Thuận lợi: (cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt hơn, dịch vụ, giống, thú y, có nhiều tiến bộ..)
  - + Khó khăn: (giống gia cầm, gia súc năng suất thấp, dịch bệnh,...)

### B. Luyện tập.

**Câu 1:** Điểm nào sau đây đúng với sản xuất lúa ở đb Sông Hồng

- A. Có năng suất lúa cao nhất cả nước
- B. Chiếm 50% diện tích lúa của cả nước
- C. Đóng góp trên 50% sản lượng lúa của cả nước
- D. Bình quân lương thực trên đầu người đạt trên 1000 Kg

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

- A. đb Sông Hồng
- B. đb Sông Cửu Long
- C. đb duyên hải Bắc trung bộ
- D. đb duyên hải Nam trung bộ

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai nước ta là

- A. đb Sông Hồng
- B. đb Sông Cửu Long
- C. đb duyên hải Bắc trung bộ
- D. đb duyên hải Nam trung bộ

**Câu 4:** Vùng cây ăn quả lớn nhất nước ta là

- A. đb sông Cửu Long
- B. đb sông Hồng
- C. trung du miền núi Bắc bộ
- D. duyên hải Bắc trung bộ

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlát Địa lí trang 18 cho biết cây Cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng nào

- A. Tây Nguyên
- B. Đông Nam bộ
- C. Bắc Trung bộ
- D. Trung du miền núi Bắc bộ

**Câu 6:** Sự phát triển mạnh sản xuất cây công nghiệp chủ lực đã đưa Việt Nam lên vị trí hàng đầu của thế giới về xuất khẩu

- A. Cà phê, chè, dứa
- B. Cà phê, điều, hồ tiêu
- C. Hồ tiêu, điều, chè
- D. Mía, lạc, đậu tương

**Câu 7:** Vùng trồng dứa nhiều nhất nước ta là



- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Duyên hải miền Trung
- D. Đông nam bộ

**Câu 8:** Hai nguồn cung cấp thịt chủ yếu ở nước ta là

- A. Bò và lợn
- B. Lợn và gia cầm
- C. Gia cầm và bò
- D. Bò và Trâu

**Câu 9:** Chăn nuôi gà công nghiệp đã phát triển mạnh ở

- A. Các thành phố lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh)
- B. Các tỉnh giáp các thành phố lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh)
- C. Các địa phương có cơ sở công nghiệp chế biến thịt
- D. Cả B và C đúng

**Câu 10:** Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ
- B. Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Hồng và đb sông Cửu Long
- D. Đồng bằng sông Hồng và đh Nam trung bộ

**Câu 11:** Trong những năm qua sản xuất lương thực nước ta phát triển theo xu hướng

- A. Diện tích trồng hoa màu tăng rất mạnh
- B. Sản lượng lúa tăng nhanh
- C. Năng suất lúa không tăng
- D. Màu lương thực đã được xuất khẩu nhiều

**Câu 12:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng lúa ở nước ta là

- A. Nước ta là cái nôi của nền văn minh lúa nước
- B. Đất phù sa màu mỡ diện tích rộng
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. Câu B và C đúng

**Câu 13:** Trong cơ cấu ngành trồng trọt tỉ trọng cây công nghiệp ở nước ta có xu hướng tăng là do

- A. nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển
- B. Tác dụng của bảo vệ môi trường
- C. Thị trường thế giới về sản phẩm này có nhiều biến động
- D. Dân cư có truyền thống sản xuất.

**Câu 14 :** Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành chăn nuôi ở nước ta ngày càng phát triển mạnh là do

- A. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo
- B. Ngành công nghiệp chế biến phát triển
- c. Dịch vụ (giống và thú y) có nhiều tiến bộ
- D. Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng

**Câu 15:** Sản lượng lương thực ở nước ta trong thời gian gần đây tăng liên tục là do

- A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất
- B. Phòng chống thiên tai tốt

C. Có lực lượng lao động dồi dào                      D. Thị trường tiêu thụ có nhu cầu lớn.

**Câu 16:** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta chủ yếu dựa vào

A. Nguồn lương thực, thực phẩm              B. Các đồng cỏ tự nhiên

C. Các đồng cỏ nhân tạo                      D. B và C đúng

**Câu 17:** Cây trồng phát triển nhất ở đồng bằng sông Cửu Long

A. lúa    B. cà phê    C. cao su              D. rau đậu

**Câu 18:** ý nào sau đây **không phải** là thuận lợi trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiều loại đất thích hợp với cây công nghiệp

B. Có điều kiện phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp, nguồn lao động dồi dào

C. Thị trường thế giới về sản xuất cây công nghiệp có nhiều biến động

D. Đã hình thành mạng lưới cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp

**Câu 19:** ý nào sau đây **không phải** là hạn chế của ngành chăn nuôi nước ta

A. Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm

B. Giống gia súc gia cầm cho năng suất thấp, chất lượng chưa cao

C. Dịch bệnh gia súc, gia cầm đe dọa trên diện rộng

D. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định

**Câu 20:** Xu hướng phát triển ngành chăn nuôi hiện nay **không phải** là

A. Chăn nuôi chủ yếu lấy sức kéo và phân bón cho trồng trọt

B. Các sản phẩm không qua giết thịt có tỉ trọng ngày càng cao

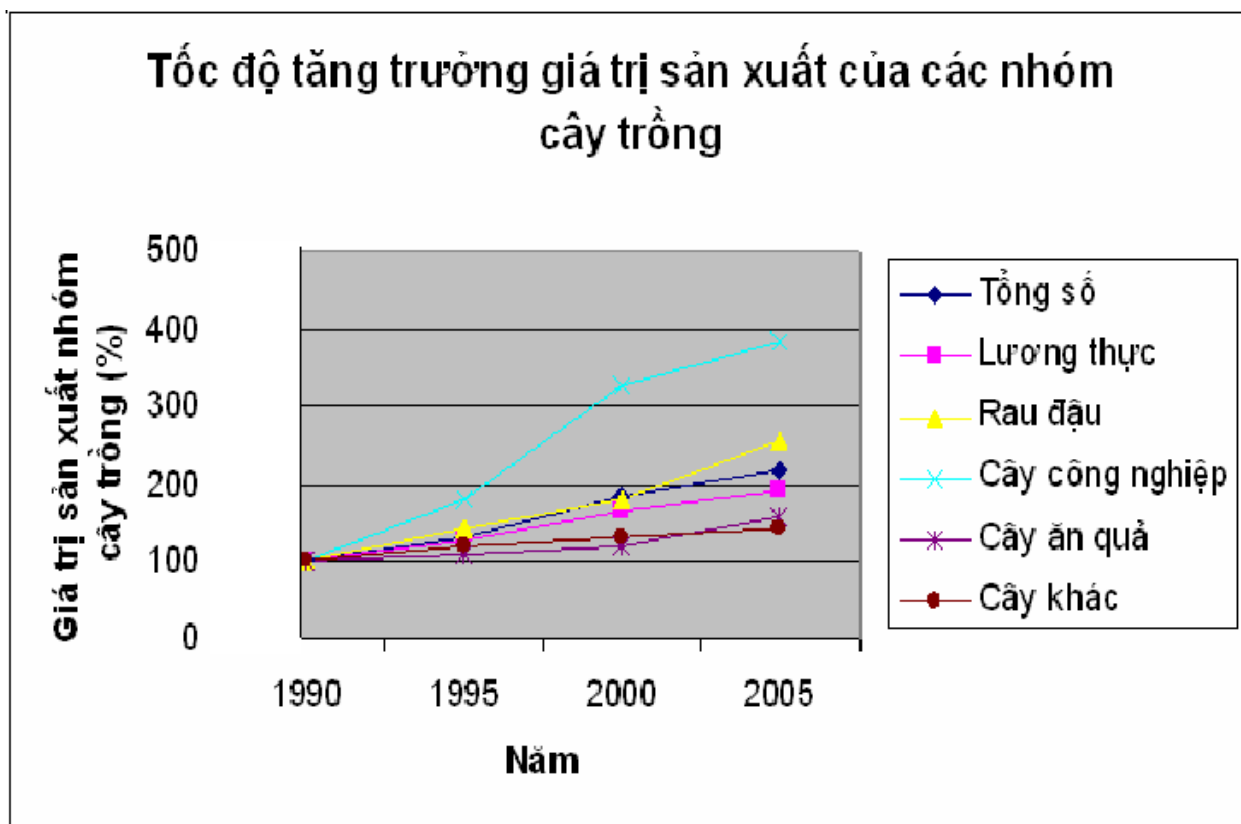
C. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa

D. Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp

### **Bài 23: THỰC HÀNH**

Xử lí số liệu bài tập 1: ( Lấy năm 1990 = 100%)

Năm	Tổng số	Lương thực	Rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	100	100	100	100	100	100
1995	133,4	126,5	143,3	181,5	110,9	122
2000	183,2	165,7	182,1	325,5	121,4	132,1
2005	217,5	191,8	256,8	382,3	158	142,3



**Thông tin ở bài tập 2:**

Bảng số liệu về: " Cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp"

	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	54,9	45,1
1980	59,2	40,8
1985	56,1	43,9
1990	45,2	54,8
1995	44,3	55,7
2000	54,9	65,1
2005	34,5	65,6

## BÀI 24: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP

### A. Kiến thức mới

<p><i>1. Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển thủy sản.</i></p> <p>a. Thuận lợi</p>
--

- Tự nhiên
- Kinh tế xã hội
- b. Khó khăn
- Tự nhiên
- Kinh tế xã hội

## **2. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản.**

### *\*Tình hình chung*

- Ngành thủy sản có bước phát triển đột phá (giá trị sản xuất và giá trị sản lượng tăng nhanh - 4,7 lần và 3,9 lần từ 1990- 2005)
- Nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao (giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng)

### *\*Khai thác thủy sản:*

- Sản lượng khai thác liên tục tăng (tăng 2,7 lần) chủ yếu là thủy sản biển, giá trị sản xuất tăng 2,8 lần chứng tỏ hiệu quả ngày càng cao
- Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhất là các tỉnh duyên hải NTB và Nam Bộ, nhất là tỉnh Kiên Giang

### *\*Nuôi trồng thủy sản:*

- Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh hơn khai thác (Sản lượng tăng 9,1 lần chủ yếu là nuôi tôm, cá) do:
  - + Tiềm năng nuôi trồng thủy sản còn nhiều
  - + Các sản phẩm nuôi trồng có giá trị khá cao và nhu cầu lớn trên thị trường
  - + Ý nghĩa: Đảm bảo tốt hơn nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến, nhất là xuất khẩu. Điều chỉnh đáng kể đối với khai thác thủy sản
  - + Chính sách của nhà nước
- Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh nhất là nuôi tôm ở ĐBSCL (do tiềm năng nuôi trồng còn nhiều, môi trường nuôi trồng tốt, được đầu tư nhiều) và đang phát triển ở hầu hết các tỉnh duyên hải
- Nghề nuôi cá nước ngọt cũng phát triển, đặc biệt ở đồng bằng sông Cửu Long và ĐBSH.

## **3. Ngành lâm nghiệp**

### **a) Ngành lâm nghiệp ở nước ta có vai trò quan trọng về mặt kinh tế và sinh thái.**

- Kinh tế:
  - + Tạo nguồn sống cho đông bào dân tộc ít người
  - + Bảo vệ các hồ thủy điện, thủy lợi
  - + Tạo nguồn nguyên liệu cho một số ngành CN
  - + Bảo vệ an toàn cho nhân dân cả ở trong vùng núi, trung du và vùng hạ du.
- Sinh thái:
  - + Chống xói mòn đất

- + Bảo vệ các loài động vật, thực vật quý hiếm
- + Điều hòa dòng chảy sông ngòi, chống lũ lụt và khô hạn
- + Đảm bảo cân bằng sinh thái và cân bằng nước.

***b, Tài nguyên rừng của nước ta vốn giàu có, nhưng đã bị suy thoái (đã học ở bài 14)  
c, Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp***

Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm: lâm sinh (trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng) và khai thác, chế biến gỗ, lâm sản.

\* Trồng rừng: Cả nước có khoảng 2 triệu ha rừng trồng tập trung, trong đó chủ yếu là rừng làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, thông nhựa ..., rừng phòng hộ. Hàng năm, cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung.

\* Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản:

- Mỗi năm, khai thác khoảng 2,5 triệu m<sup>3</sup> gỗ, khoảng 120 triệu cây tre luồng và gần 100 triệu cây nứa.

- Các sản phẩm gỗ quan trọng nhất là: gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn, đồ gỗ, gỗ lạng và gỗ dán. Cả nước có hơn 400 nhà máy cưa xẻ và vài nghìn xưởng xẻ gỗ thủ công.

- Công nghiệp bột giấy và giấy được phát triển. Lớn nhất là nhà máy giấy Bãi Bằng (tỉnh Phú Thọ), Liên hiệp giấy Tân Mai (Đông Nai).- Rừng còn được khai thác để cung cấp nguồn gỗ củi và than củi.

\* Phân bố: Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, TDMNBB

## **B.LUYỆN TẬP.**

Câu 1. Điều kiện thuận lợi cơ bản để phát triển lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta là

- có ¾ diện tích đất nước là đồi núi và đường bờ biển dài.
- khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- diện tích đất feralit lớn.
- vùng biển rộng lớn.

Câu 2. Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta là.

- điều kiện đánh bắt.
- dân cư và lao động.
- cơ sở vật chất kĩ thuật.
- thị trường.

Câu 3. Vùng có điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thủy sản ở nước ta là.

- Đồng bằng sông Hồng.
- Bắc Trung Bộ.
- Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Để tăng sản lượng thủy sản đánh bắt, vấn đề quan trọng nhất cần phải giải quyết là:

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.
- Mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản.
- Phổ biến kinh nghiệm và trang bị kiến thức cho ngư dân.
- Tìm kiếm các ngư trường mới.

Câu 5. Hai tỉnh dẫn đầu cả nước về diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản hiện nay là:

- Cà Mau – Bạc Liêu.
- Hải Phòng – Quảng Ninh.
- Ninh Thuận – Bình Thuận.
- Kiên Giang – Cà Mau.

### C. MỞ RỘNG. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- Nêu một số phương pháp của bản thân để góp phần phát triển bền vững nguồn thủy sản ở địa phương?
- Nêu một số hậu quả ở địa phương đã phải gánh chịu do hậu quả của việc tàn phá rừng?
- HS làm bài tập 2 SGK

#### Thông tin phản hồi

Điều kiện tự nhiên		Điều kiện xã hội	
Thuận lợi	Khó khăn	Thuận lợi	Khó khăn
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng</li> <li>- Nguồn lợi hải sản khá phong phú</li> <li>- Diện tích mặt nước để nuôi trồng lớn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biển nhiều thiên tai, bão, hoạt động của gió mùa</li> <li>- Một số vùng ven biển môi trường bị suy thoái</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân dân có nhiều kinh nghiệm và truyền thống đánh bắt nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Nhiều ngư trường (4 ngư trường)</li> <li>- Phương tiện tàu thuyền, các ngư cụ trang bị ngày càng tốt</li> <li>- Dịch vụ và chế biến thủy sản được mở rộng, giá trị ngày càng cao</li> <li>- Thị trường tiêu thụ rộng lớn, đặc biệt là nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến</li> <li>- Chính sách của nhà nước đẩy mạnh phát triển nghề cá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện đánh bắt còn chậm đổi mới.</li> <li>- Hệ thống các cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu</li> <li>- Công nghiệp chế biến còn hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa cao...</li> <li>- Vốn đầu tư ít, kỹ thuật nuôi trồng còn hạn chế.</li> </ul>

### Bài 25: TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

#### A. KIẾN THỨC MỚI

##### 1. Các nhân tố tác động tới tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta.

(Yêu cầu HS về nhà tự tìm hiểu trong SGK)

## 2. Các vùng nông nghiệp ở nước ta

- Ở nước ta hiện nay, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp được xác định theo 7 vùng nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Các vùng gồm: TD&MN Bắc Bộ, ĐBSH, Bắc Trung Bộ, DH NTB, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, ĐBSCL.

- Mỗi vùng có những đặc trưng riêng về điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện KT – XH, trình độ thâm canh, chuyên môn hóa sản xuất

## 3: Những thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta

*a. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta trong những năm qua thay đổi theo hai hướng chính.*

- Tăng cường chuyên môn hoá sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn đối với các sản phẩm NN chủ yếu, nhất là các vùng có ĐKTL.

- Đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp. đa dạng hoá kinh tế nông thôn . nhằm khai thác hợp lí điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, sử dụng tốt hơn nguồn lao động tạo thêm nhiều việc làm và nông sản hàng hoá, mặt khác cũng giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp mỗi vùng

*b. Kinh tế trang trại có những bước phát triển mới, thúc đẩy sản xuất nông – lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa.*

- Kinh tế trang trại nước ta phát triển từ kinh tế hộ gia đình nhưng có sự chuyển dịch theo hướng hàng hóa.

- Số lượng trang trại không ngừng tăng nhanh. Trong đó trang trại nuôi trồng thủy sản tăng nhanh và chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu trang trại vào năm 2005 (30,1%).

- ĐBSCL đứng đầu cả nước về gia tăng trang trại và số lượng trang trại.

## B. Luyện tập.

**\* Qua sát hình 25 giải thích tại sao kinh tế trang trại lại rất phát triển ở ĐBSCL:**

Do đồng bằng SCL có nhiều điều kiện thuận lợi về:

- Đất đai và diện tích mặt nước nuôi thủy sản ( rộng, tập trung), rừng ( rừng ngập mặn, rừng tràm trên đất phèn.)

- Các chính sách phát triển, thị trường, kinh nghiệm sản xuất hàng hoá của dân cư.

**\* Hãy tìm sự khác nhau trong CMH nông nghiệp giữa TDMNB với Tây Nguyên ; giữa ĐBSH với ĐBSCL**

a) Giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long

+ Đồng bằng sông Hồng: lúa cao sản, lúa có chất lượng cao, cây thực phẩm, cây ăn quả, đay, cói, lợn , bò sữa, gia cầm, nuôi thủy sản nước ngọt, mặn, lợ.

+ Đồng bằng sông Cửu Long: lúa, lúa có chất lượng cao, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả nhiệt đới, , thủy sản ( đặc biệt là tôm, cá basa ), gia cầm ( đặc biệt là vịt đàn).

\* Giải thích sự khác nhau về chuyên môn hoá giữa hai vùng

- Đồng bằng sông Hồng có trình độ thâm canh lúa cao, có mùa đông lạnh cho phép phát triển vụ đông, có nguồn thức ăn cho chăn nuôi từ phụ phẩm của ngành trồng trọt, nhiều ao hồ, mặt nước, cửa sông...

- Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất rộng, trong đó đất phù sa ngọt tương đối lớn, khí hậu có tính chất cận xích đạo, diện tích mặt nước rộng, dọc bờ biển có nhiều bãi triều, nhiều cánh rừng ngập mặn.

b) Giữa Tây Nguyên và TDMNBB

- TDMNBB: Phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và đới ( chè, hồi, trâu), đậu tương, thuốc lá, cây ăn quả, cây dược liệu, trâu bò lấy thịt sữa, lợn ( ở trung du).

- Tây Nguyên : chủ yếu là cây trồng nhiệt đới ( cà phê, cao su, hồ tiêu), chè, dâu tằm, bò thịt và bò sữa.

\* Giải thích

Sự khác nhau về các sản phẩm chuyên môn bắt nguồn từ sự khác nhau về điều kiện phát triển nổi bật:

Trung du và MN Bắc Bộ có khí hậu có mùa đông lạnh, thích hợp cho các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt; đất pheralit, nói riêng là đất đỏ đá vôi thuận lợi cho các cây đậu tương, thuốc lá..

Tây Nguyên có đất đỏ ba dan diện tích rộng và khí hậu mang tính chất cận xích đạo thuận lợi cho các cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm, trên các vùng núi cao, nhiệt độ hạ thấp có thể trồng chè.

Chăn nuôi được phát triển cả ở hai vùng dựa trên các đồng cỏ và tác động của khí hậu...

## **TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Loại hình trang trại có số lượng lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

- A. Trồng cây hằng năm.                      B. Trồng cây lâu năm.  
C. Chăn nuôi.                                      D. Nuôi trồng thủy sản.

**Câu 2.** Vùng có số lượng trang trại nhiều nhất của nước ta hiện nay là:

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.              B. Tây Nguyên.  
C. Đông Nam Bộ.                                  D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 3.** Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là:

- A. Trình độ thâm canh.                          B. Điều kiện về địa hình.  
C. Đặc điểm về đất đai và khí hậu.              D. Truyền thống sản xuất của dân cư.

**Câu 4.** Đây là điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long:

- A. Địa hình.                      B. Đất đai.                      C. Khí hậu.                      D. Nguồn nước.

**Câu 5.** Việc hình thành các vùng chuyên canh ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện xu hướng:

- A. Tăng cường tình trạng độc canh.  
**B. Tăng cường chuyên môn hoá sản xuất.**  
C. Đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp.  
D. Tăng cường sự phân hoá lãnh thổ sản xuất.



**Câu 6.** Đa dạng hoá nông nghiệp sẽ có tác động:

- A. Tạo nguồn hàng tập trung cho xuất khẩu.
- B. Giảm bớt tình trạng độc canh.
- C. Giảm thiểu rủi ro trước biến động của thị trường.
- D. Tạo điều kiện cho nông nghiệp hàng hoá phát triển.

**Câu 7.** Lúa, đay, cói, mía, vẹt, thủy sản, cây ăn quả là sản phẩm chuyên môn hoá của vùng:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Duyên hải miền Trung.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9.** Đây là đặc điểm sinh thái nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

- A. Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi, khí hậu có mùa đông lạnh vừa.
- B. Đồng bằng hẹp, đất khá màu mỡ, có nhiều vùng biển để nuôi trồng thủy sản.
- C. Đồng bằng lớn, nhiều đất phèn đất mặn, khí hậu có hai mùa mưa, khô đối lập.
- D. Đồng bằng lớn, đất lúa nước, sông ngòi nhiều, khí hậu có mùa đông lạnh.

**Câu 10.** Việc tăng cường chuyên môn hoá và đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp đều có chung một tác động là:

- A. Cho phép khai thác tốt hơn các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- B. Giảm thiểu rủi ro nếu thị trường nông sản có biến động bất lợi.
- C. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm nhiều việc làm.
- D. Đưa nông nghiệp từng bước trở thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá.